

Bản án số: 941/2024/DS-PT

Ngày: 30/10/2024

V/v: “*Tranh chấp thừa kế
giá trị quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, về “*Tranh chấp thừa kế giá trị quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3090/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Hoàng T, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số I Đường số A, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Sầm Thị T1, sinh năm 1944 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Số I ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Tạm trú: Số D P, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Kiều Mộng T2, sinh năm 1976 (có mặt);

2.3. Ông Kiều Tấn D, sinh năm 1967 (vắng mặt);

2.4. Bà Kiều Mộng T3, sinh năm 1968 (vắng mặt);

2.5. Bà Kiều Mộng T4, sinh năm 1971 (vắng mặt);

2.6. Bà Kiều Mộng Y, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số D P, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.7. Bà Kiều Mộng H, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Số A L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.8. Bà Kiều Mộng D1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: A F, USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, bà T4, bà T3, bà H, bà Y:

- Ông Kiều Tấn D, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: 4 P, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Cao T5, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: 4 P, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Kiều Thị M, sinh năm 1932 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M: Bà Trần Thị N, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số A đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Kiều Thị T6, sinh năm 1934 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T6:

3.2.1. Bà Trương Thị P, sinh năm 1954 (chết).

3.2.2. Ông Trương Hoàng T7, sinh năm 1956 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T7:

- Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

- Ông Trương Duy T8, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số I N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.3. Ông Trương Hoàng A, sinh năm 1972 (có mặt);

3.2.4. Ông Trương Hoàng L, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của ông L: Ông Trương Hoàng T, sinh năm 1959 (có mặt);

3.2.5. Ông Trương Hoàng T9, sinh năm 1960 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số A N, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.6. Bà Trương Thị Kim N1, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: B Potrero Ave Elmonte C, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1, ông A, ông T9: Ông Trương Hoàng T, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số A N, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Kiều Thị B, sinh năm 1937 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B:

3.3.1. Ông Kiều Văn S, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mỹ L1 (có mặt);

Địa chỉ: số A N, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3.2. Ông Kiều Văn H2, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B Khu phố C đường H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3.3. Ông Kiều Văn H3, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường H, Tổ A, ấp F, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, ông H2: Ông Kiều Văn H3, sinh năm 1963.

3.4. Ông Kiều Tấn H4, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số I ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3.5. Bà Kiều Thị M1, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số I ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M1: Bà Lưu Thị Hoàng T10, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G đường T, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Quang H5 – Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Hữu T11 – Phó Chủ tịch (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Trương Hoàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Ông Trương Hoàng T là con của bà Kiều Thị T6. Ông ngoại của ông T là cụ Kiều Tấn T12 (là liệt sĩ chết năm 1949) và bà ngoại là cụ Phạm Thị C (chết năm 1974). Cụ T12 và cụ C có 06 người con gồm: Bà Kiều Thị T6 (chết năm

2018), bà Kiều Thị B (chết năm 2008), ông Kiều Tấn Đ (chết năm 2010), bà Kiều Thị M (chết năm 1957), bà Kiều Thị M1, ông Kiều Tấn H4.

Trong thời kỳ chung sống, cụ T12, cụ C có tạo lập được khối tài sản chung bao gồm:

1. Nhà, đất tại số I ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An thuộc thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 2, diện tích 601m².

2. Diện tích đất ruộng thuộc thửa đất số 1779, tờ bản đồ số 2, diện tích 1795m², thửa đất số 1781, diện tích 1778m², thửa đất số 1891, diện tích 1919m², tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. Diện tích đất ao thuộc thửa đất số 1688, tờ bản đồ số 2, diện tích 489m² tọa lạc tại ấp M tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Cụ T12, cụ C không để lại di chúc. Sau đó, ông Kiều Tấn Đ cùng vợ là bà Sầm Thị T1 đã tự đi kê khai đăng ký đất đai mà không thông báo cho các người con của ông T12, bà C biết. Cho đến khi ông Kiều Tấn Đ chết, vợ và các con ông Đ tiến hành khai nhận di sản thừa kế và chuẩn bị hồ sơ chuyển nhượng cho người khác thì ông mới phát hiện ra ông Đ đã đứng tên trên giấy chứng nhận toàn bộ tài sản mà ông bà ngoại của ông để lại. Hiện nhà đất này đang do vợ, con của ông Kiều Tấn Đ quản lý, sử dụng. Sau khi ông Kiều Tấn Đ được cấp giấy chứng nhận, thì ông Đ đã chia một phần đất cho bà Kiều Thị M1 và bà M1 sau đó chia lại một phần đất cho ông Kiều Tấn H4.

Ngày 21/5/2020, tại buổi hòa giải tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã L, ông đã yêu cầu bà Sầm Thị T1 và các con của ông Đ phân chia di sản thừa kế của ông bà ngoại để lại nhưng họ không đồng ý. Vì bà Kiều Thị M1, ông Kiều Tấn H4 đã được chia một phần đất nên họ không có tranh chấp và không yêu cầu được chia di sản nữa, mặt khác bà Trần Thị Nghĩa L2 con của bà Kiều Thị M (chết trước 1957) cũng không yêu cầu chia thừa kế. Nay ông yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Kiều Tấn T12, cụ Phạm Thị C để lại đối với tài sản nêu trên cho 3 người thừa kế là ông Kiều Tấn Đ, bà Kiều Thị T6, bà Kiều Thị B và ông yêu cầu được nhận giá trị tài sản.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/6/2022, ông Trương Hoàng T rút lại yêu cầu chia di sản đối với thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.919m², tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Kiều Tấn Đ trình bày: Nhà và ruộng đất cha mẹ ông ở và canh tác trước năm 1975 đến nay, có giấy chứng nhận do chính quyền cấp. Ông và các em được quyền thừa kế hợp pháp theo pháp luật của nhà nước.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Kiều Thị M1 trình bày: Bà không có yêu cầu trong vụ án tranh chấp thừa kế này.

Tại Công văn số 4002/UBND-TD ngày 24/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số mục kê địa chính được lưu trữ thì các thửa đất số 1779, 1781, 1891, 1686, 1688, cùng tờ

bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An có nguồn gốc là của cha mẹ để lại cho ông Kiều Tấn Đ và ông Đ là người đứng tên trên sổ mục kê. Hiện tại thửa đất 1779 1781, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L do bà Kiều Mộng T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L Tây do ông Nguyễn Văn T13 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 1686,1688, tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã L do ông Kiều Tấn D, bà Kiều Mộng T2, bà Kiều Mộng T3, bà Kiều Mộng H, bà Kiều Mộng T4, bà Kiều Mộng Y cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đồng sử dụng).

Ngày 04/7/1997, UBND huyện C ban hành Quyết định số 390/UB.QĐ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 152 tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã L. Trong đó ông Kiều Tấn Đ được UBND huyện C cấp 05 thửa đất với diện tích 6582m², vị trí đất tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An trên cơ sở Luật đất đai 1993 (hồ sơ xét cấp lần đầu) là đúng đối tượng và đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 158, 165, 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, 17, 100, 101, 166, 170, 186 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 5, 17, 100, 166, 170 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Quyết định số 201/QĐ.ĐKTK ngày 14/7/1989 của T14; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoàng T về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 2, diện tích 601m²; thửa số 1779, tờ bản đồ số 2, diện tích 1795m²; thửa đất số 1781, diện tích 1778m²; thửa số 1688, tờ bản đồ số 2, diện tích 489m², tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoàng T về việc tranh chấp thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.919m², tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13/4/2023, ông Trương Hoàng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hồ sơ, tài liệu chứng cứ có trong vụ án một cách khách quan, toàn diện làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, cụ thể:

Nguồn gốc đất do ông bà ngoại của ông để lại.

Công văn số 4002/UBND-TD ngày 24/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện C: Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ mục kê địa chính được lưu trữ thì các thửa đất số 1779, 1781, 1891, 1686, 1688, cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An có nguồn gốc là của cha mẹ để lại cho ông Kiều Tấn Đ và ông Đ là người đứng tên trên sổ mục kê.

Biên bản hòa giải tranh chấp ngày 21/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, bà Kiều Thị M1 xác định cụ Kiều Tấn T12, cụ Phạm Thị C để lại tài sản nêu trên.

Từ đó ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được nhận phần thừa kế mà bà Kiều Thị T6 được hưởng là 473.932.360 đồng và ông xin nhận giá trị tài sản.

Bị đơn cho rằng: Nguồn gốc đất do cha mẹ ông để lại, phía nguyên đơn không có bằng chứng chứng minh tài sản là của ông bà ngoại để lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét đơn kháng cáo của ông Trương Hoàng T hợp lệ nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Kháng cáo của ông T không có tình tiết mới, bản án sơ thẩm đã xem xét, giải quyết có căn cứ pháp luật; ông T không chứng minh được nguồn gốc đất của cụ T12, cụ C; không chứng minh được quá trình sử dụng đất của cụ T12, cụ C.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trương Hoàng T là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận việc ông Kiều Tấn Đ và bà Sầm Thị T1 đã sử dụng đất ổn định từ trước năm 1975 đến nay.

Ngày 04/7/1997, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã cấp cho ông Kiều Tấn Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00885 QSDĐ 0411LA đối với thửa đất số 1779, 1781, 1891, 1686, 1688, tờ bản đồ số 2, toạ lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Sau khi ông Kiều Tấn Đ chết, những người thuộc hàng thừa kế của ông Đ thực hiện phân chia di sản và hiện nay các đương sự được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất như sau:

+ Bà Kiều Mộng T2 đứng tên đối với thửa đất số 1779, 1781, tờ bản đồ số 2, theo Giấy chứng nhận số CV 155470, CV 155471 ngày 19/02/2020.

+ Bà Kiều Mộng T2, ông Kiều Tấn D, bà Kiều Mộng T3, bà Kiều Mộng H, bà Kiều Mộng T4, bà Kiều Mộng Y cùng đứng tên đối với thửa đất số 1686, 1688, tờ bản đồ số 2, theo Giấy chứng nhận số CV 155930, CV 155483 ngày 19/02/2020.

Tại Công văn số 4002/UBND-TD ngày 24/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C và Công văn số 37/UBND ngày 28/02/2020 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C đều khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kiều Tấn Đ là đúng đối tượng và đúng trình tự thủ tục.

[2.2] Sau khi bà Kiều Thị T6 chết vào năm 2018, ngày 16/12/2020, ông Trương Hoàng T khởi kiện cho rằng phần đất trên thuộc quyền sử dụng của ông Kiều Tấn T12 và bà Phạm Thị C, nhưng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh ông T12, bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp và để lại di chúc phân chia phần đất này; đồng thời ông T không chứng minh được quá trình sử dụng đất của cụ T12, cụ C.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T không thừa nhận, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông T có lời khai về việc bà T6 có nói chuyện đất đai là do ông bà ngoại để lại cho cậu Đ quản lý, sử dụng do bà T6 và các dì đang sống trên S. Việc ông Đ sử dụng đất từ trước năm 1975 đến nay, bà T6 cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Mặt khác, tại Công văn số 37/UBND ngày 28/02/2020 của Ủy ban nhân dân xã L khẳng định ông Kiều Tấn Đ là người sử dụng đất từ năm 1984 và được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu tạm của tỉnh (giấy trắng), sau đó được cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Trung ương.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trương Hoàng T rút một phần yêu cầu khởi kiện về thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.919m², tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía ông T cũng không xuất trình thêm được chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông T.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Trương Hoàng T.

[3]. Ý kiến của nguyên đơn không được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa được chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trương Hoàng T phải chịu 15.137.000 đồng (đã nộp xong).

Buộc ông Trương Hoàng T phải chịu 2.050.000 đồng tiền dịch thuật và 2.620.290 đồng chi phí tổng đạt tại nước ngoài (đã nộp xong). Buộc ông Trương Hoàng T phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ 200.000 đồng mà ông T đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000284 ngày 25/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[6]. Về án phí:

[6.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hoàng T được miễn án phí.

[6.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Hoàng T được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; Điều 293; khoản 2 Điều 289 ; khoản 1 Điều 308 ; Điều 312 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Hoàng T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoàng T về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 2, diện tích 601m²; thửa số 1779, tờ bản đồ số 2, diện tích 1795m²; thửa đất số 1781, diện tích 1778m²; thửa số 1688, tờ bản đồ số 2, diện tích 489m², tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoàng T về việc tranh chấp thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.919m², tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trương Hoàng T phải chịu 15.137.000 đồng (đã nộp xong).

Buộc ông Trương Hoàng T phải chịu 2.050.000 đồng tiền dịch thuật và 2.620.290 đồng chi phí tổng đạt tại nước ngoài (đã nộp xong). Buộc ông Trương Hoàng T phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ 200.000 đồng mà ông T đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000284 ngày 25/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hoàng T được miễn án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Hoàng T được miễn án phí.

6. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt